

CHƯƠNG II: CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU BẰNG ĐƯỜNG BIỂN.

I. Đặc điểm và tác dụng của vận tải đường biển

II. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của VT đường biển

III. Các phương thức thuê tàu.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

I. Đặc điểm và tác dụng

1. Đặc điểm

Ưu điểm

- Các tuyến đường tự nhiên
- Năng lực chuyên chở lớn
- Cự ly chuyên chở dài, khả năng thông qua cao
- Giá thành VT biển thấp
- Thích hợp với hầu hết các loại hàng hoá trong TM QT
- Tiêu thụ nhiên liệu trên 1 tấn trọng tải thấp

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

I. Đặc điểm và tác dụng

1. Đặc điểm

Nhược điểm

- Phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tự nhiên
- Tốc độ của các tàu biển tương đối thấp
- Thời gian giải phóng hàng khỏi tàu chậm
- Nhiều rủi ro, hiểm họa (8% bị tổn thất)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

2. Tác dụng

- Thích hợp với việc chuyên chở hàng hoá trong buôn bán QT
- Góp phần mở rộng quan hệ buôn bán QT
- Làm thay đổi cơ cấu hàng hoá và cơ cấu thị trường trong buôn bán QT
- Ảnh hưởng đến cán cân thanh toán QT
- Ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh XNK

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

1. Các tuyến đường biển (tuyến đường hàng hải-Ocean Line)

a. Khái niệm

Là những tuyến đường được hình thành giữa 2 hay nhiều cảng với nhau và trên đó tàu thuyền qua lại nhằm mục đích chuyên chở hàng hóa, hành khách.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

1. Các tuyến đường biển (tuyến đường hàng hải- Ocean Line)

b. Phân loại

- Theo phạm vi hoạt động:

- Tuyến đường hàng hải nội địa (Domestic Navigation line)
- Tuyến đường hàng hải QT (International Navigation Line)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

1. Các tuyến đường biển (tuyến đường hàng hải- Ocean Line)

b. Phân loại

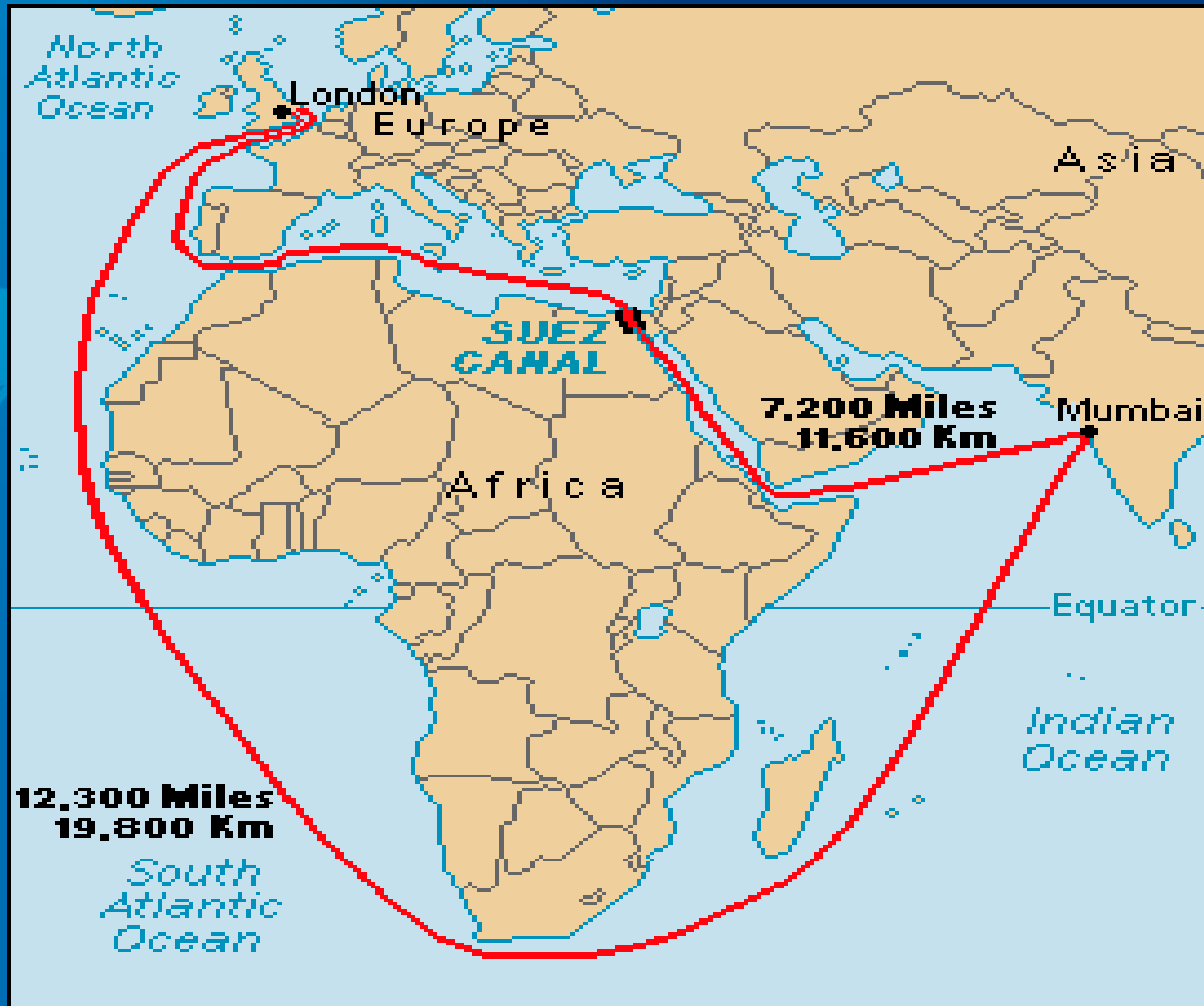
- Theo mục đích sử dụng:

- Tuyến đường hàng hải định tuyến (Regular Navigation Line)
- Tuyến đường hàng hải không định tuyến
- Tuyến đường hàng hải đặc biệt (Special Navigation Line)

Trên các tuyến đường, xây dựng các kênh đào nhằm rút ngắn khoảng cách, mở rộng phạm vi hoạt động







CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

a. Khái niệm

Là nơi ra vào neo đậu của tàu biển, là nơi phục vụ tàu và hàng hoá chuyên chở trên tàu, là đầu mối quan giao thông quan trọng của các quốc gia có biển.

b. Chức năng:

- Phục vụ tàu ra vào, neo đậu làm hàng tại cảng như luồng lạch, cầu tàu, dịch vụ cho tàu trong thời gian tàu cập cảng neo đậu
- Phục vụ hàng hoá chuyên chở trên tàu: xếp dỡ, kho bãi, đóng gói, dịch vụ khác...

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

c. *Phân loại*

- Theo mục đích sử dụng:

- cảng buôn
- cảng quân sự
- cảng cá
- cảng trú ẩn
- cảng cạn/ cảng thông quan nội địa (Inland Clearance Depot)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

c. Phân loại

- Theo phạm vi phục vụ:

- cảng nội địa: phục vụ tàu thuyền nội địa
- cảng QT: phục vụ tàu thuyền quốc tế

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

2. Cảng biển (Sea port)

d. Các trang thiết bị của cảng

- Nhóm trang t/bị phục vụ tàu ra vào, neo đậu để làm hàng: luồng lạch, đèn báo, cầu cảng, phao, neo...
- Nhóm trang t/bị phục vụ việc xếp dỡ hàng hoá: hàng rời, hàng bao kiện.
- Trang t/bị kho bãi của cảng
- Hệ thống đường giao thông và các công cụ vận chuyển trong cảng: ga xe lửa, bến bãi ô tô, cảng nội địa...
- Trang t/bị nổi của cảng: thiết bị điện, liên lạc, hành chính, vui chơi giải trí
- Trang t/bị khác

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển - Tàu biển Ship - vessel

a. Khái niệm

Tàu buôn là những tàu biển được dùng vào mục đích KT trong hàng hải

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- Tên tàu (Ship name) : do chủ tàu đặt ra và được cơ quan đăng kiểm chấp nhận bằng văn bản, được thể hiện trên các chứng từ liên quan.

Chú ý: Không dịch tên tàu, qua tên phát hiện được tàu ma, có thể là một danh từ hoặc ký hiệu

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- **Cảng đăng kí của tàu (Port of Registry):**
Đăng ký ở đâu mang quốc tịch nước đó và treo cờ nước đó.
Qua nơi đăng ký biết lai lịch tàu
- **Cờ tàu: (Flag) Cờ thường National flag, cờ phương tiện Foreign Flag.**
Cờ phương tiện: Tàu nước này treo cờ nước khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi ra vào các cảng, hưởng ưu đãi.
Các nước mua cờ: Hy Lạp, Mỹ, Nhật
Các nước bán cờ: Panama, Liberia.
Việt nam: tàu Việt Nam mới được mang cờ Việt Nam
- **Chủ tàu (Shipowner) : Là người sở hữu con tàu. Khác với người chuyên chở Carrier, Shipping lines**

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- Người chuyên chở (Carrier)
- Kích thước của tàu (Dimension of Ship):
 - Chiều dài của tàu (Length over all)
 - Chiều rộng của tàu (Breadth extreme)

Cho biết khả năng ra vào cảng, vượt, lên đà...

- Mớn nước (Draft/Draught) là chiều cao thẳng từ đáy tàu lên mặt nước, là một đại lượng thay đổi theo vùng biển, mùa.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Mớn nước tối thiểu (Light Draft): khi tàu không hàng
- Mớn nước tối đa (Loaded/Laden Draft) khi tàu đầy hàng.

Cảng Hải phòng mớn nước tối đa 9m

Mục đích: Xác định khả năng ra vào cảng làm hàng

- Xác định trọng lượng hàng hóa.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Vạch xếp hàng

TF: Tropical Fresh water load line

F: Fresh water load line

T: Tropical load line

S: Summer load line

W: winter load line

Wna: winter north Atlantic load line

Nhằm đảm bảo an toàn cho tàu.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- Trọng lượng của tàu (Displacement Tonnage)
 - + Trọng lượng tàu không hàng (Light Displacement)
 - + Trọng lượng tàu đầy hàng (Heavy Displacement)
- Dung tích đăng kí của tàu (Registered tonnage): Là thể tích các khoang trống khép kín trên tàu.
 - + Dung tích đăng kí toàn phần (Gross Registered Tonnage)
 - + Dung tích đăng kí tịnh (Net Registered tonnage)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

b. Đặc trưng KT kỹ thuật của tàu buôn

- Trọng tải của tàu carry capacity: là sức chở của tàu

- + Trọng tải toàn phần của tàu Dead weight tonnage :
trọng lượng tàu đầy hàng trừ đi trọng lượng tàu không hàng = hàng hóa + vật phẩm cung ứng

- + Trọng tải tịnh của tàu: trọng tải toàn phần trừ đi trọng lượng của vật phẩm cung ứng (trọng lượng hàng hóa- đại lượng thay đổi)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

① Theo công dụng (3 nhóm tàu)

- Nhóm tàu chở hàng khô (Dry cargo Ship)

- Tàu chở hàng bách hoá (General Cargo Ship)
- Tàu container: Ro/ro, Lo/lo, Lash
- Tàu chở hàng khô với khối lượng lớn

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

① Theo công dụng

- Nhóm tàu chở hàng lỏng (Track carrier)
 - Tàu chở hàng lỏng có t/chất tổng hợp
 - Tàu chở hàng lỏng có t/chất chuyên dùng

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

① Theo công dụng

- Nhóm tàu đặc biệt (Special Cargo Ship)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

② Theo động cơ của tàu

- Tàu động cơ hơi nước
- Tàu động cơ diesel
- Tàu buồm
- Tàu động cơ nguyên tử

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

③ Theo cỡ tàu

- Tàu nhỏ
- Tàu trung bình
- Tàu rất lớn VLCC (Very Large Crude Carrier)
- Tàu cực lớn ULCC (Ultra Large Crude Carrier)
- Tàu Panamax và post panamax
- Tàu Suezmax và post suezmax

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

④ Theo phương thức KD

- Tàu chợ (Liner)
- Tàu chạy rông (Tramp): Voyage Charter và Time Charter

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

⑤ Theo cờ tàu

- Tàu treo cờ thường: national flag
- Tàu treo cờ phương tiện: flag of convenience

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

⑥ Theo cấu trúc của tàu

- Tàu 1 boong
- Tàu nhiều boong
- Tàu đơn vỏ
- Tàu 2 vỏ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

II. Cơ sở VC KT của VT đường biển

3. Phương tiện vận chuyển

c. Phân loại tàu buôn

⑦ Theo tuổi tàu:

- Tàu trẻ dưới 15 tuổi và 10 tuổi với tàu khách
- Tàu già

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

a. Khái niệm, đặc điểm tàu chợ

- Khái niệm: Là tàu chạy thường xuyên trên 1 tuyến đường nhất định, ghé qua những cảng nhất định, theo 1 lịch trình định trước

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

a. Khái niệm, đặc điểm tàu chợ

- Đặc điểm

- chở hàng bách hoá có khối lượng nhỏ
- cấu trúc phức tạp, nhiều boong nhiều hầm
- tốc độ nhanh, 18-20 hải lý/giờ
- Điều kiện chuyên chở in sẵn trên vận đơn mang tính đơn phương, và hà khác, không thay đổi
- Cước do các hãng tàu công bố trên biểu cước, cước cao do bao gồm cả chi phí xếp dỡ và chi phí vào cảng không hàng. Cước ổn định
- Không có thưởng phạt xếp dỡ
- Ưu tiên cầu bến

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

b. Phương thức thuê tàu chợ

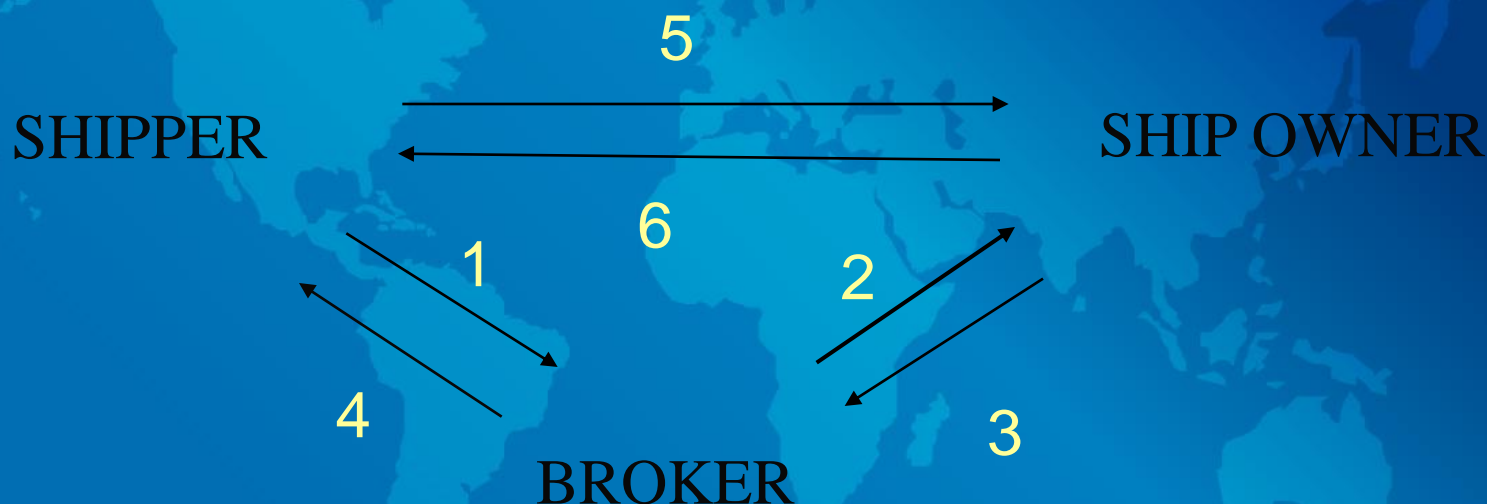
- Khái niệm: chủ hàng trực tiếp hoặc thông qua người môi giới yêu cầu chủ tàu cho mình thuê một phần chiếc tàu.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

b. Phương thức thuê tàu chợ



III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

b. Phương thức thuê tàu chợ

- Các bước thuê

- ① Chủ hàng nhờ người môi giới tìm tàu hỏi tàu
- ② Người môi giới chào tàu hỏi tàu
- ③ Thương lượng giữa người môi giới với chủ tàu
- ④ Người môi giới thông báo với chủ hàng KQ lưu cước
- ⑤ Chủ hàng vận chuyển hàng ra cảng giao cho tàu
- ⑥ Chủ tàu/đại diện chủ tàu PH 1 bộ VĐ (OceanB/L). Không có hợp đồng.

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. Vận đơn đường biển (Sea/Ocean B/L)

- **Khái niệm:** là chứng từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển do ng chuyên chở/đại diện của ng chuyên chở phát hành cho ng gửi hàng sau khi hàng đã được xếp lên tàu hoặc sau khi nhận để xếp.

- Là chứng từ trong vận tải đường biển
- B/L do người chuyên chở phát hành
- B/L phát hành cho người gửi hàng
- Phát hành khi hàng đã xếp hoặc nhận để xếp

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Chức năng

- ① Là bằng chứng duy nhất xác định HĐ chuyên chở đã được kí kết.

Có nội dung cơ bản của hợp đồng, và là cơ sở pháp lý giải quyết tranh chấp

- ② Là biên lai nhận hàng để chở của ng chuyên chở.

Nhận hàng phát hành vận đơn, nghĩa vụ giao hàng cho người cầm vận đơn.

- ③ Là bằng chứng xác nhận quyền SH hàng hoá ghi trên VĐ.

Người nào cầm vận đơn và có tên trên vận đơn là người chủ sở hữu hợp pháp hàng hóa ghi trên vận đơn

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Sử dụng VĐ vào các việc sau trong TM hàng hải QT

- Đ/với chủ gửi:

- dùng VĐ làm bằng chứng đã giao hàng cho ng mua thông qua ng chuyên chở
- dùng VĐ để chứng minh với ng mua về tình trạng hàng hoá
- VĐ cùng các c/từ khác lập thành bộ c/từ thanh toán tiền hàng

Chứng từ phải đầy đủ, hợp lệ ví dụ bộ chứng từ phải xuất trình ở Ngân hàng theo đúng quy định như 21 ngày kể từ ngày giao hàng

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Sử dụng VĐ vào các việc sau trong TM hàng hải QT

- Đối với người vận chuyển:

- dùng VĐ để phát hành cho ng gửi hàng khi nhận hàng để chở
- dùng VĐ để giao hàng ở cảng đến
- Giao hàng xong thu hồi vận đơn nhằm chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng.

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Sử dụng VĐ vào các việc sau trong TM hàng hải QT

- Đối với người nhận:

- dùng VĐ xuất trình để nhận hàng
- dùng VĐ theo dõi lượng hàng hoá chủ hàng giao cho mình
- dùng VĐ làm c/từ cầm cố thế chấp chuyển nhượng
- dùng VĐ làm c/từ trong bộ hồ sơ khiếu nại
- dùng VĐ làm c/từ hoàn tất thủ tục XNK

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Giao hàng không dùng VĐ gốc:

- Seaway Bill: là c/từ chuyên chở hàng hoá bằng đường biển do ng chuyên chở phát hành cho người nhận hàng có tên cụ thể ở nơi đến nhằm mục đích thay vận đơn truyền thống.
- Nhờ bảo lãnh của ngân hàng.
- VĐ giao hàng tốc hành (Express Bill)
- VĐ Surrender: VĐ trên đó đóng dấu hay in chữ surrender.

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- Phân loại B/L
 - Căn cứ vào tình trạng xếp dỡ hàng hoá
 - VĐ đã xếp hàng (Shipped on board B/L), shipped on board, shipped, on board, laden on board. Phát hành khi hàng được xếp lên tàu. Vận đơn ghi rõ ngày xếp hàng và là ngày giao hàng.
 - VĐ nhận để xếp (Received for Shipment B/L) Người chuyên chở nhận hàng và cam kết vận chuyển bằng chính con tàu có tên trên vận đơn.

Chú ý: - Người bán chưa hoàn thành nghĩa vụ giao hàng.

- Nhiều ngân hàng từ chối thanh toán

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Căn cứ vào việc chuyển nhượng SH hàng hoá ghi trên VĐ
 - VĐ đích danh (Straight B/L): Ở Mỹ giống SWBL
 - VĐ theo lệnh (B/L to order of): lệnh người bán hoặc người mua hoặc ngân hàng.

To order: - ESCAP (Ủy ban Kinh tế Xã hội Châu Á Thái Bình Dương vận đơn vô danh

- Quan niệm phổ biến trong hàng hải quốc tế: theo lệnh của shipper
 - VĐ vô danh (B/L to bearer): Ai cầm vận đơn đều được phép nhận hàng, ít dùng do xác suất mất hàng cao. Ưu điểm lưu thông nhanh bằng việc mua bán trao tay

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Ký hậu: ký vào mặt sau tờ vận đơn

Ký hậu đích danh: delivery to Company A

Ký hậu theo lệnh: delivery to the order of B com..

Ký hậu để trống: Chỉ ký tên đóng dấu, không biết cho ai, theo lệnh của ai, được coi là BL vô danh

Ký hậu miễn truy đòi: to the order of A without recover C company, không truy đòi người ký hậu mà truy đòi người bán, ít xảy ra.

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- Căn cứ vào phê chú của thuyền trưởng trên VĐ
 - VĐ hoàn hảo/sạch/tinh khiết (Clean B/L): Là loại không có phê chú xấu. Thực tế : thuyền trưởng căn cứ vào biên lai thuyền phó để phê chú
 - VĐ không hoàn hảo (Unclean B/L): Là loại có phê chú xấu như: một số bao bì bị rách, kiện hàng bẹp, hàng hóa ẩm, hợp đồng 1000 kiện thực tế 900, bao bì không phù hợp để chuyên chở bằng đường biển....

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Căn cứ vào hành trình chuyên chở hàng hoá
 - Vận đơn đi thẳng (Direct B/L): Không có chuyển tải, L/C :shipment not allow thì chỉ BL đi thẳng mới được thanh toán. Đa phương thức vẫn thanh toán
 - Vận đơn chở suốt (Through B/L): Được phép chuyển tải.
 - Vận đơn địa hạt Local B/L chỉ có giá trị pháp lý điều chỉnh mối quan hệ giữa người chuyên chở.
 - Vận đơn vận tải liên hợp (Combined Transport B/L)

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- Phân loại B/L
 - Căn cứ vào phương thức thuê tàu
- Vận đơn tàu chợ (Conline Bill/Liner B/L):
- Vận đơn tàu chuyển/vận đơn theo hợp đồng thuê tàu (Congen bill/Voyage B/L/B/L to charter party) Mặt sau vận đơn để trống để in một vài điều khoản dẫn chiếu tới hợp đồng thuê tàu to be used with charter party.

Chú ý:

- Khi có tranh chấp lấy hợp đồng để giải quyết tranh chấp
- CIF và CFR quy định rõ các điều khoản trong hợp đồng mua bán

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Căn cứ vào giá trị sử dụng và khả năng lưu thông
 - Vận đơn gốc: Original B/L là vận đơn có đóng dấu Original, là chứng từ có giá trị để nhận hàng, mua bán, thanh toán. Thông thường 1 bộ gồm 3 bản gốc.

Cách thể hiện: - 3 bản original

- First original, second original, third original
- Original, Duplicate, Triplicate, chú ý một số ngân hàng không đồng ý thanh toán
- Original, Duplicate original, Triplicate original
- Vận đơn copy: Copy B/L không dùng thanh toán tiền hàng, mặt sau để trống

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

Loại khác:

- Vận đơn của người giao nhận: Forwarder B/L, không có phương tiện chỉ đứng ra tổ chức chuyên chở.
- Vận đơn đến chậm: Là vận đơn đến chậm về mặt thời gian không bình thường so với ngày giao hàng
- Vận đơn phát hành cho người thứ ba: third party là người không được hưởng lợi trên L/C mà người mua mở
- Vận đơn thay đổi: Switch B/L có thể thay đổi một số nội dung nhưng phải có xác nhận của người phát hành.

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

- Phân loại B/L
 - Căn cứ vào hình thức phát hành
 - Vận đơn điện tử (Electronic B/L):
 - Vận đơn giấy

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 1 gồm 13 nội dung

- ① Tên và địa chỉ người PH VĐ
- ② Số vận đơn (No of B/L)
- ③ Shipper- người xếp hàng
- ④ Consignee-người nhận hàng
- ⑤ Địa chỉ thông báo (Notify Party) không ghi gì thì thông báo cho người nhận hàng

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 1 gồm:

- ⑥ Ngày và nơi PH VĐ (Date and Place of issue) trùng với ngày xếp hàng lên tàu, thực tế có thể trước hoặc sau ngày xếp hàng
- ⑦ Thông tin về hành trình: thông tin về cảng xếp dỡ, chuyển tải
- ⑧ Thông tin về hàng hoá: tên hàng, bao bì, số lượng hàng
- ⑨ Thông tin về tàu vận chuyển: tên tàu, số chuyến
- ⑩ Cước phí: Trả trước hay trả sau.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 1 gồm:

11. For the Master-Ý kiến của thuyền trưởng: phải có ngày tháng năm, ký tên đóng dấu

12. Người kí VĐ: người chuyên chở ký, yêu cầu phải ghi rõ cụ thể.
Signed by HuengA Carrier

-Đại diện người chuyên chở: Signed by VF as Agent for Carrier

-Thuyền trưởng: Signed by Mr Alex as master of the SilverSea

-Thay mặt thuyền trưởng: Signed by Ms Huong on behalf of Mr B as master of the Star

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 2 in đầy đủ đk chuyên chở:

- khái niệm: ng chuyên chở, ng xếp hàng
- TN của ng chuyên chở
- Miễn trách cho ng chuyên chở (17)
- GH TN
- Điều khoản mô tả hàng hoá
- Điều khoản xếp dỡ và giao hàng
- Điều khoản cước phí và phụ phí

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

c. VĐ đường biển (Sea/Ocean B/L)

Nội dung của VĐ

Mặt 2 in đầy đủ đk chuyên chở:

- Điều khoản chậm giao hàng
- Điều khoản về tổn thất chung
- Điều khoản về chiến tranh, đình công
- Điều khoản xếp hàng trên boong hay súc vật sống

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

- Luật QT gồm:

- Công ước QT: Brussel 1924 (còn gọi là quy tắc Hague 1924)
- QT Visby 1968 (cùng với QT Hague → gọi là QT Hague- Visby)
- NĐT SDR 1979
- QT Hamburg 1978
- Hiệp định đa biên và song biên

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

- *Luật hàng hải QG gồm:*

- *Bộ Luật hàng hải VN 1990*
- *Bộ Luật hàng hải VN 2005 có hiệu lực từ 1/1/2006.*
- *Tập quán hàng hải QT và các cảng*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Phạm vi áp dụng:

- *QT Hague 1924: Áp dụng cho tất cả vận đơn được phát hành ở bất kỳ quốc gia nào là thành viên của công ước (VN chưa là thành viên) Công ước Brussels*
- *QT Visby 1968:*
 - + *A/d với VĐ được cấp ở nước tham gia CƯ.*
 - + *A/d cho hàng hoá vận chuyển từ cảng của 1 QG*
 - + *B/L, C/P có dẫn chiếu đến CƯ hoặc luật QG cho phép áp dụng CƯ.*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Phạm vi áp dụng:

- *QT Hamburg 1978:*
 - + *a/d cho cảng bốc hay cảng dỡ của QG kí CU'*
 - + *VĐ được cấp tại 1 QG kí CU'*
 - + *HĐ chuyên chở dẫn chiếu tới CU' hay luật QG*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Đối tượng hàng hoá điều chỉnh:

- *Hague và Visby a/d cho tất cả các loại hàng hoá không áp dụng cho súc vật sống và hàng xếp trên boong.*
- *Hamburg 1978 a/d cho tất cả hàng hoá cả súc vật sống và hàng hóa xếp trên boong.*

Xếp trên boong: hợp đồng ghi xếp trên boong và thực tế là xếp trên boong On deck B/L

- *Bộ luật Hàng hải VN 1990/2005: 2005 giống Hamburg, 90 giống Hague và Visby*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Bao bì hàng hóa, các dụng cụ vận tải sử dụng trong chuyên chở như vỏ container, khay hàng pallet.

Hague và Visby không thuộc trách nhiệm người chuyên chở

Hamburg thuộc trách nhiệm người chuyên chở.

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

Thời hạn TN: là thời gian mà người chuyên chở phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa trong quá trình chuyên chở

- Quy tắc Hague và Visby : móc cầu đến móc cầu
Tackle to tackle*
- QT Hamburg rộng hơn: nhận hàng tới giao hàng*
- Bộ luật Hàng hải VN : giống Hamburg*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Nhận hàng tới giao hàng:

Nhận hàng: Nhận hàng từ người gửi hay đại diện của chủ hàng hoặc từ một cơ quan có thẩm quyền hoặc người thứ ba do tập quán nơi đó yêu cầu.

Giao hàng: Giao hàng cho người nhận ở cảng đến (giao trực tiếp hoặc đại diện của người nhận hoặc đặt dưới sự định đoạt của người nhận). Hoặc cơ quan có thẩm quyền hoặc người thứ ba mà theo luật hay tập quán quy định

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

QT Hague và QT Hague- Visby: TN

- cung cấp tàu có đủ khả năng đi biển (3đk)

① Tàu phải bền chắc

② Tàu phải được trang bị và biên chế đầy đủ về mọi mặt

③ Các trang thiết bị, hàng quầy hàng phải được tu sửa

- TN thương mại của ng chuyên chở
- TN cấp VĐ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Tàu bền chắc: là tàu chịu được sóng gió bình thường như các tàu khác. Theo tập quán gió bình thường nhỏ hơn cấp 6.
- Biên chế đầy đủ: nguyên liệu, có thuyền trưởng, thuyền phó, bếp trưởng, thủy thủ... lương thực, thực phẩm, trang thiết bị đi biển (la bàn, ra đa, hệ thống đo độ sâu, trang thiết bị thông tin)
- Trách nhiệm thương mại: nghĩa vụ tiến hành cẩn thận và hợp lý việc xếp hàng, dịch chuyển, sắp xếp, vận chuyển, coi giữ, chăm sóc hàng.
- Thế nào là cẩn thận và hợp lý?

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Trách nhiệm cấp vận đơn:

Vận đơn phải ghi:

- Mã hiệu cần thiết để nhận biết hàng hóa. Mã hiệu này trong điều kiện bình thường vẫn đọc được cho khi hết hành trình
- Số kiện, số chiếc, trọng lượng... như người gửi hàng cung cấp
- Trạng thái bên ngoài của hàng. Không phải kê khai nếu nghi ngờ, hoặc không có phương pháp hợp lý để kiểm tra

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH miễn trách

- 1. Lỗi hàng vận: Là hành vi sơ suất hay khuyết điểm của người thuyền trưởng, thủy thủ, hoa tiêu hay người giúp việc cho người chuyên chở trong việc điều khiển hay quản trị tàu.*
- 2. Cháy: do lỗi làm thực sự hoặc hành động cố ý*
- 3. Tai họa nguy hiểm/tai nạn của biển gây nên*
- 4. Thiên tai (Act of God)*
- 5. Chiến tranh và hành động chiến tranh:*
- 6. Hành động thù địch*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH miễn trách:

7. Bắt giữ hay kiềm chế của vua chúa, chính quyền hay nhân dân hoặc bị tịch thu theo pháp luật.

8. Do hạn chế về cấm dịch: xuất phát từ cảng có dịch hay từ tàu, ra khơi trễ 40 ngày

9. Do đình công

10. Do hành vi thiếu sót của chủ hàng gây nên

11. Cứu hay có ý cứu sinh mạng TS trên biển

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH Miễn trách:

12. Do bạo động của thuỷ thủ đoàn/hành khách.

13. Hao hụt trọng lượng/bất kì thiệt hại tổn thất nào do ần tì hay nội tì của hàng hoá.

14. Bao bì không đầy đủ: coi là lỗi bao bì xấu

15. Kí mã hiệu của hàng hoá không đầy đủ/sai

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hague -Visby: 17 TH Miễn trách:

16. Do ẩn tì của tàu: Khiếm khuyết của tàu mà bằng sự cần mẫn hợp lý không phát hiện được (không được miễn trách với nội tì. Ví dụ chân vịt bị gãy được miễn trách

17. tổn thất thiệt hại đến với hàng k do lỗi của ng chuyên chở

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Ngoài ra người chuyên chở không phải chịu từ việc đi lệch hướng.

Lệch hướng: để cứu trợ hoặc lệch hợp lý.

- Tàu vào cảng lánh nạn sửa chữa rồi mới tiếp tục
- Đưa người bị thương vào bờ

Lệch hướng không hợp lý: Tàu khởi hành được một đoạn thiếu nhiên liệu vào cảng khác để lấy.

- Tự ý lấy thêm hàng và khách ngoài lịch trình

Thực tế người vận chuyển bao giờ cũng muốn mở rộng phạm vi miễn trách

Điều 3 khoản 8 Công ước có quy định rằng Giảm bớt trách nhiệm đều vô giá trị.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Muốn giảm phải thỏa thuận:
 - Hàng đặc biệt: Vận đơn sẽ không được cấp và các điều khoản đã thỏa thuận sẽ được ghi trên một biên lai và biên lai này không lưu thông được.
- Hàng hóa bao gồm súc vật sống, và xếp trên boong
- Quãng đường trước và sau khi xếp

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Hague và Visby: Có 5 lỗi của tàu:
 1. Khả năng đi biển
 2. Lỗi thương mại
 3. Lỗi hàng vận
 4. Ẩn tì của tàu
 5. Nội tì của tàu

1,2,5 không được miễn trách

Ví dụ: tàu không mang đủ nhiên liệu, lấy hàng làm nhiên liệu

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hamburg

- *TN: ng chuyên chở phải chịu TN đ/với tổn thất thiệt hại đến với hàng hoá hoặc chậm giao hàng*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hamburg

- *Miễn trách: Nếu chứng minh được rằng đã áp dụng mọi biện pháp ngăn ngừa và hạn chế nhưng tổn thất vẫn xảy ra.*
- *Dùng nguyên tắc suy đoán lỗi, trách nhiệm chứng minh lỗi thuộc về người chuyên chở. Hamburg ít được sử dụng do trách nhiệm người chuyên chở nặng nề*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- QT Hamburg

• Miễn trách:

1. Cháy do nguyên nhân khách quan
2. Do vận chuyển súc vật sống (hàng đặc biệt) nếu sút cân hay bệnh dịch
3. Do phải đi cứu hộ

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

TN của ng chuyên chở:

- *Bộ luật Hàng hải VN 1990/2005: quy định cơ sở TN giống QT Hague và Visby nhưng ng chuyên chở muốn không bồi thường phải chứng minh mình không có lỗi (dùng nguyên tắc suy đoán lỗi giống QTHamburg)*
- *Lại đề cập đến vấn đề chậm giao hàng giống hamburg*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Hague 1924:

- *nếu hàng hoá có kê khai gtrị trên VĐ*
- *nếu hàng hoá không kê khai gtrị trên VĐ: 100 GBP/đơn vị hàng hoá hay 1 kiện hàng.*
- *Điều 9 quy định rằng đơn vị tiền tệ tính theo giá trị vàng, một số chủ tàu đưa công ước vào vận đơn đã bỏ điều 9 vì nếu 100 bảng Anh tính theo bản vị vàng sẽ tương đương khoảng 7000 bảng Anh thông thường.*

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Giới hạn trách nhiệm chỉ áp dụng nếu có sơ suất lỗi thông thường, nhưng nếu cố tình mưu gian gây tổn thất cho hàng hóa thì không được hưởng giới hạn bồi thường.
- Trong bất kỳ trường hợp nào người chuyên chở, tàu không chịu trách nhiệm nếu người gửi hàng cố tình khai sai tính chất hàng hóa đó trên vận đơn.
- Thế nào là một kiện? Kích cỡ không thay đổi cách gọi là kiện. Kiện có thể là một toa tàu, một container... Và không quan tâm tới bên trong có đầy hàng hay không.

Do vậy nên áp dụng đơn vị hàng hóa: có thể là tấn hoặc khối.

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Visby 1968:

• Đ/với hàng hoá:

+ Nếu hàng hoá không kê khai gtrị trên VĐ

+ Nếu hàng hoá có kê khai gtrị trên VĐ: 10000 Fr vàng / đơn vị hay 1 kiện hoặc 30 fr vàng/kg hàng hoá cả bì
Fr vàng là đồng có hàm lượng vàng là 65,5mgr độ tinh khiết 900/1000

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Visby 1968:

• Đ/với container

+ Nếu các kiện hàng đóng trong container không kê khai trên VĐ -> 1 đơn vị hàng hóa

+ Nếu các kiện hàng đóng trong container có kê khai trên VĐ -> mỗi kiện là một đơn vị hàng hóa

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN: SDR: Special drawing right: là đơn vị tiền tệ quy ước được IMF quỹ tiền tệ quốc tế đặt ra năm 1969, dùng tính toán, định giá chứ không để thanh toán.

1/4/2007 quy đổi $1 \text{ XDR} = 1,135 \text{ EUR} = 1,51 \text{ USD}$

- NĐT SDR 1979: chỉ sửa đổi Hague và Visby ở GHTN

666,67 SDR/đvị hàng hoá hay 1 kiện hàng hoặc 2 SDR/kg

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- QT Hamburg 1978:

- Nếu hàng hoá kê khai gtrị trên VĐ
- Nếu hàng hóa không kê khai gtrị trên VĐ: 835 SDR/đvị hàng hoá hay 1 kiện hàng hoặc 2,5 SDR/kg hàng hoá cả bì. Cách nào có lợi cho người khiếu nại thì áp dụng.
- Khác Hague và Visby: Chậm giao hàng: Được giới hạn bởi số tiền tương đương 2,5 lần tiền cước phải trả cho số hàng giao chậm, nhưng không quá tổng số tiền cước phải trả theo hợp đồng

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- *QT Hamburg 1978:*

+ *Đvới container: gần giống Visby*

- *Nếu mỗi kiện hàng đóng trong container có kê khai trên VĐ*
- *Nếu mỗi kiện hàng đóng trong container không kê khai trên VĐ*
- *Nếu vỏ container, khay hàng hay các dụng cụ VT khác không do ng chuyên chở cung cấp thì được coi là một đơn vị hàng hóa.*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Giới hạn TN:

- *Bộ Luật Hàng hải VN 2005:*
- *Hàng không kê khai gtrị: 666,67 SDR/đvị hoặc 1 kiện hoặc 2 SDR/kg*
- *Hàng chậm giao: giống Hamburg*
- *Container: giống Visby*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

_Thông báo tổn thất:

- QT Hague 1924:

- nếu là tổn thất rõ rệt :thông báo ngay trước hoặc trong khi giao hàng.*
- nếu là tổn thất không rõ rệt :thông báo trong vòng 3 ngày kể từ ngày giao hàng.*

- QT Visby: quy định giống Hague

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

_Thông báo tổn thất:

- QT Hamburg:

- *nếu là tổn thất rõ rệt, thông báo không muộn hơn ngày sau ngày làm việc kể từ ngày hàng được giao*
- *Nếu là tổn thất không rõ rệt, thông báo trong vòng 15 ngày kể từ ngày giao hàng.*
- *Chậm giao: thông báo trong vòng 60 ngày*
- *Hàng mất: thông báo trong vòng 90 ngày*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Thông báo tổn thất:

- Bộ Luật Hàng hải VN 2005

- nếu tổn thất rõ rệt phải thông báo ngay trước hoặc trong khi giao hàng*
- nếu tổn thất không rõ rệt phải thông báo trong vòng 3 ngày kể từ ngày giao hàng*
- chậm giao hàng: thông báo trong vòng 60 ngày*

III. Các phương thức thuê tàu

1. Phương thức thuê tàu chợ (Line charter)

d. Luật điều chỉnh

Thời hạn khiếu kiện/thời hiệu tố tụng

- QT Hague: 1 năm
- QT Visby: không vượt quá 15 tháng
- QT Hamburg: không quá 2 năm
- Bộ Luật Hàng hải VN 1990 thời hạn khiếu nại (1 năm)
- Bộ Luật Hàng hải VN 2005: thời hiệu tố tụng là 2 năm
đ/v HĐ chuyên chở chuyển, HĐ chuyên chở theo chứng từ là 1 năm.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

a. Khái niệm và đặc điểm của tàu chuyến

- Khái niệm: là tàu chạy rộng, đáp ứng nhu cầu bất thường của khách hàng
- Tàu chạy không theo một tuyến cố định, không ghé qua những cảng cố định và không theo một lịch trình định trước.
- Mang tính chất khu vực

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

a. Khái niệm và đặc điểm của tàu chuyến

- Đặc điểm:

- Tàu chuyến thường vận chuyển hàng hoá có khối lượng lớn, tính chất thuần nhất, tàu thường chở đầy hàng.
- Tàu chuyến có cấu tạo đơn giản thường có 1 boong, miệng hầm rộng thuận lợi cho việc xếp dỡ, hoặc rót hàng xuống tàu.
- Đk chuyên chở, cước, chi phí xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu được quy định cụ thể trong HĐ thuê tàu
- Tốc độ chậm 14-16 hải lý/h
- Không có trang thiết bị xếp dỡ riêng, phải thuê.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- So sánh tàu chợ và tàu chuyến:

- Điều kiện chuyên chở:

Tàu chợ: Đơn phương áp đặt, do chủ tàu đưa ra trên B/L

Tàu chuyến: Được thỏa thuận trong hợp đồng thuê tàu

Phí: Tàu chợ: Do hãng tàu quy định, giá cao, ổn định

Tàu chuyến: Cước thấp hơn tàu chợ, cụ thể bao gồm chi phí xếp dỡ hoặc không, cước thường xuyên biến động, phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

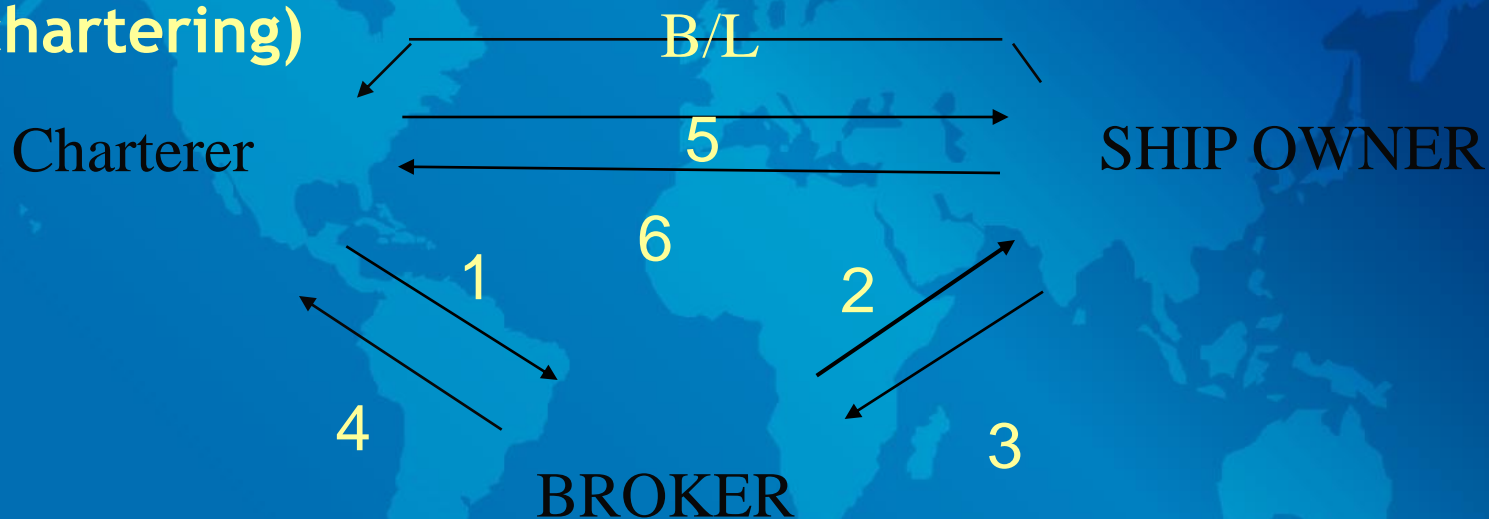
- Khái niệm: Shipowner cho Charterer thuê toàn bộ hay 1 phần chiếc tàu để chuyên chở hàng hoá từ cảng này đến cảng khác bằng 1 VB gọi là HĐ thuê tàu chuyến (Voyage charter party, V(C/P) hay V C/P)
- Hợp đồng được tự do thỏa thuận các điều kiện

Người thuê tàu (Charterer)	_____	Chủ tàu
	Hợp đồng thuê tàu chuyến	Ship owner
	Voyage charter party	

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)



III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

- Các bước thuê:

- ① Ng thuê tàu nhờ ng môi giới tìm tàu và hỏi tàu
- ② Chào tàu hỏi tàu của ng môi giới
- ③ Đàm phán giữa người môi giới và ng cho thuê.
- ④ Ng môi giới thông báo KQ đàm phán cho người thuê.
- ⑤ Kí kết HĐ giữa ng thuê và ng cho thuê
- ⑥ Thực hiện HĐ

Sau khi nhận hàng chủ tàu phát hành B/L theo yêu cầu của chủ hàng (Vận đơn theo hợp đồng thuê tàu)

Người chuyên chở chịu ràng buộc của 2 văn bản:

- C/P: Hợp đồng thuê tàu (giữa người thuê và người cho thuê)
- B/L: Vận đơn (người phát hành và người cầm vận đơn)

C/P và B/L độc lập với nhau

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Các hình thức thuê:

- Thuê chuyến một: Khai thác hàng ở 1 cảng
- Thuê chuyến một khứ hồi: Khai thác hàng ở 2 cảng
- Thuê chuyến một liên tục: lượng hàng lớn thời gian chuyên chở dài
- Thuê chuyến một liên tục khứ hồi: giá cước thấp
- Thuê khoán: quan tâm tới thời gian và hàng
- Thuê bao toàn bộ tàu: quan tâm tới tàu
- Thuê định hạn:

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Thuê định hạn: Thuê tàu trong một thời gian dài để vận chuyển, có lượng hàng lớn cần vận chuyển, tránh sự thay đổi biến động thị trường.
- Chủ động trong việc khai thác tàu lấy cước.
- Quyền sử dụng tàu được chuyển nhượng trong thời gian được quy định trong hợp đồng thuê định hạn

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

HĐ thuê tàu

- Khái niệm: là một VB trong đó ng cho thuê tàu cam kết sẽ chuyên chở hàng hoá từ cảng này đến cảng khác theo yêu cầu của ng thuê tàu còn người thuê cam kết sẽ thanh toán cước phí.

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)


b. Phương thức thuê tàu chuyến

HĐ thuê tàu

Mẫu HĐ: Nhằm để tham khảo, cơ sở đàm phán khi có nhu cầu thuê tàu chuyến, quy phạm tùy ý, không bắt buộc (chú ý vấn đề chỉnh sửa)

Có hơn 60 loại mẫu HĐ khác nhau

- Mẫu HĐ có t/chất tổng hợp: hàng bách hóa, mẫu hợp đồng GENCON do BIMCO PH 1922, đã sửa đổi 1976 và 1994 -> sử dụng rộng rãi
- Mẫu HĐ có t/chất chuyên dùng

- 
- A faint world map is visible in the background of the slide, rendered in a lighter shade of blue than the background.
- Mẫu chuyên dùng:
 - Chở gỗ: Mẫu hợp đồng chở gỗ của Nga Russwood
 - Chở than: Mẫu hợp đồng chở than của Balan Polcoal Voy
 - Chở đường: Mẫu hợp đồng chở đường của Cuba Cuba Sugar Voy
 - Chở xi măng: Mẫu hợp đồng chở của Mỹ

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

① Chủ thể là người ký hợp đồng, chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng (tên địa chỉ)

- người cho thuê: Shipowner, Carrier (khai thác tàu lấy cước)

Không xác định Carrier thì Shipowner là người chuyên chở

- người thuê: người bán: CIF, CFR người mua FOB

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

② Tàu

- Tên tàu: muốn thay thế phải thông báo và dẫn chiếu tới C/P
- Quốc tịch của tàu: nơi đăng ký tàu, phản ánh qua cờ.
- Chất lượng tàu: phản ánh qua tuổi
- Trọng tải: DWT
- Dung tích: GRT
- Mớn nước
- Vị trí tàu
- Động cơ
- Cấp hạng của tàu: của Lloyds (1688), DNV....

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

③ T/gian tàu đến cảng xếp hàng (Lay day) và ngày huỷ HĐ (Cancelling day)

- T/gian tàu đến cảng xếp hàng: t/gian tàu phải đến cảng nhận hàng để xếp.

- + Quy định 1 khoảng thời gian

- + Quy định 1 ngày cụ thể

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

③ T/gian tàu đến cảng xếp hàng (Lay day) và ngày huỷ HĐ (Cancelling day)

Tàu đến sớm hơn quy định, không phải xếp, nếu xếp thì tính vào thời gian làm hàng.

Tàu đến đúng, chưa có hàng, thời gian vẫn tính là thời gian làm hàng

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

Ngày huỷ HĐ là ngày cuối cùng của thời gian tàu phải đến cảng nhận hàng để xếp, nếu không đến có quyền hủy hợp đồng, chủ tàu chịu mọi chi phí liên quan

- Trường hợp không hủy:
 - + Tàu gặp sự cố thì chủ tàu phải thông báo
 - + Tàu đến chậm không phương hại tới lợi ích của người thuê
 - + Chủ tàu cam kết đền bù mọi tổn thất

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

④ Commodity Clause- Điều khoản về hàng hoá

- Tên hàng hoặc hàng thay thế, nếu thay thế phải dẫn chiếu tới hợp đồng. VD 10000 MT of rice or and maize +- x%
- Bao bì đóng gói, kẻ ký mã hiệu rõ ràng.
- Số lượng hàng gửi thông thường ghi khoảng ~
- TN chuyên chở hàng đầy đủ: Khi tàu vào cảng phải đủ hàng, không đủ phải chịu cước chết. Dead freight

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyến (Voyage chartering)

b. Phương thức thuê tàu chuyến

Nội dung của mẫu HĐ

⑤ Cảng xếp dỡ hàng

- Cảng xếp/1 số cảng xếp; cảng dỡ/1 số cảng dỡ
- Quy định theo vùng biển do chưa xác định cảng, tàu đến điều tàu sau, không nên sử dụng
- Cảng xếp dỡ phải là 1 cảng an toàn
- + An toàn về mặt hàng hải: đủ luồng lạch độ sâu, tàu luôn đậu nổi.
- + An toàn về mặt chính trị XH

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑥ Cước phí: Là khoản tiền mà người nhận thuê phải trả cho người cho thuê để chở một lô hàng và chi phí có liên quan

- Mức cước: 20USD/MT
- Đơn vị tính cước: Phụ thuộc vào hàng

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

- Số lượng hàng hoá tính cước →: Căn cứ tính cước
 - Tính cước theo lượng hàng thực xếp lên tàu ở cảng đi
 - Tính cước theo lượng hàng ở cảng dỡ, cảng đến, căn cứ theo Roroc: Report on receipt of cargo (biên bản kết toán giao nhận hàng)
 - Hàng chuyên chở lớn nhưng giá trị thấp, tính theo lượng hàng thực xếp lên tàu ở cảng đi trừ đi 2% tổng cước thay cho việc phải cân lại hàng ở cảng đến

Số lượng hàng hoá tính cước ➡

- Thời gian thanh toán cước:
 - Cước trả trước: Prepaid
 - Cước trả sau: Collect, trả tiền mới cấp D/O
 - Trả trước một phần.
 - Tiền thanh toán cước thường dùng ngoại tệ mạnh như USD.

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑦ CP xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu

- CP xếp dỡ theo tàu chợ (Liner terms): TN thuộc về chủ tàu nhưng k quy định về t/gian xếp dỡ và thưởng phạt xếp dỡ.
- Miễn CP xếp hàng cho ng chuyên chở: FI free in. TN xếp hàng lên tàu thuộc về ng bán.

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑦ CP xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu

- Miễn CP dỡ hàng cho ng chuyên chở freeout FO
- Miễn CP xếp dỡ cho ng chuyên chở free in and out FIO
- Miễn xếp dỡ, sắp xếp, san cào FIOST

Không áp dụng điều chỉnh mối quan hệ giữa người mua và người bán, điều chỉnh quan hệ giữa tàu và người thuê.

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑧ T/gian xếp dỡ hàng hoá (Laytime): t/gian cho phép để người thuê tàu thực hiện công việc xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu theo quy định của hợp đồng

- Cách quy định t/gian xếp dỡ:

- Quy định thời gian xếp dỡ chung: ví dụ xếp dỡ 20 ngày, sau khi kết thúc mới biết thưởng phạt xếp dỡ.
- Quy định thời gian xếp riêng dỡ riêng: xếp 10 ngày dỡ 12 ngày.
- Mức xếp dỡ: tính được thời gian xếp dỡ = khối lượng hàng hoá/NS xếp dỡ của cảng. Ví dụ 1000MT/ngày/cảng, chú ý nắm chắc mức xếp dỡ của cảng.
- Xếp dỡ theo tập quán nhanh ở cảng CQD

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

-Đơn vị tính thời gian xếp dỡ

- Ngày (days) ít dùng chưa phản ánh ngày lễ, thời tiết
- Ngày liên tục Running days chưa phản ánh được ngày làm việc
- Working days (ngày làm việc) ngày làm việc chính thức của cảng không tính ngày lễ, chủ nhật
- Working days of 24 hours: 24h làm việc tính một ngày
- WD of 24 consecutive hours: liên tục 24h
- Weather WD (ngày làm việc thời tiết cho phép/ngày làm việc tốt trời) không ảnh hưởng bởi thời tiết

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

- Cách quy định thời gian xếp dỡ

- To be loaded 10 WD of 24 consecutive hours, Sunday and holidays excepted
- To be loaded 10 WD of 24 consecutive hours, Sunday and holidays even used, có làm tranh thủ, không tính thời gian làm hàng
- To be loaded 10 WD of 24 consecutive hours, Sunday and holidays unless used, không bắt làm CN, ngày lễ, nếu làm tính vào thời gian làm hàng, phổ biến áp dụng

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

- Mốc tính t/gian xếp dỡ: phụ thuộc vào ngày giờ đưa và chấp nhận thông báo sẵn sàng xếp dỡ- NOR notice of Readiness → tàu thoả mãn 3 đk:

1. Tàu đã cập cầu hay đi vào vùng TM quy định của cảng để làm hàng.
2. Tàu đã hoàn tất thủ tục vào cảng.
3. Các hầm quầy hàng, trang th bị phải trong tư thế nhận hàng để xếp hoặc trong tư thế sẵn sàng giao hàng.

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

Theo mẫu HĐ GENCON:

- nếu NOR đưa trước 12 h trưa của ngày làm việc đã định, thời gian xếp dỡ tính từ 13 h chiều.
- nếu NOR được đưa vào buổi chiều của ngày làm việc đã định, thời gian xếp dỡ tính từ 6 giờ buổi sáng của ngày làm việc hôm sau.

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

Một số mẫu HĐ có in sẵn điều khoản 4 W

- W: WIPON (Whether input or not) cho dù tàu đã cập cảng chưa
- W: WIBON (Whether in perth or not) cho dù tàu đã cập cầu cảng
- W: WIFPON (Whether in free, pratique or not) cho dù tàu đã hoàn thành hoàn tất thủ tục kiểm dịch chưa
- W: WICCON (Whether in clear customs or not) cho dù tàu đã hoàn thành thủ tục hay chưa

4W vẫn tính thời gian làm hàng, nên gạch bỏ 4w và đưa vào 3 điều kiện thông thường

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thường phạt xếp dỡ nhanh chậm

-Demurrage/tiền phạt xếp dỡ chậm: khoản tiền mà ng thuê phải trả cho chủ tàu về việc xếp dỡ hàng hoá chậm hơn so với HĐ.

T/gian bị phạt: Đã bị phạt là phạt liên tục (Running days)

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thường phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Demurrage/tiền phạt xếp dỡ chậm: khoản tiền mà ng thuê phải trả cho chủ tàu về việc xếp dỡ hàng hoá chậm hơn so với HĐ.

- Mức phạt:

- + Quy định chung cho cả tàu/ngày: 2000 USD/ngày

- + Quy định chung cho 1 tấn dung tích đăng kí/ngày: 2 USD/GRT hoặc DWT

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thưởng phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Dispatch: thưởng xếp dỡ nhanh là khoản tiền mà chủ tàu phải trả cho ng thuê về việc xếp dỡ hàng nhanh hơn so với t/gian quy định của HĐ

+ Mức thưởng thông thường = $\frac{1}{2}$ mức phạt

• Thưởng cho cả tàu/ngày 1000 USD/ngày/tàu

• Thưởng cho tấn trọng tải-GRT hay tấn dung tích DWT/ngày

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thường phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Dispatch: thường phạt xếp dỡ nhanh là khoản tiền mà chủ tàu phải trả cho ng thuê về việc xếp dỡ hàng nhanh hơn so với t/gian quy định của HĐ

+ T/gian thưởng:

- Thưởng cho tất cả t/gian tiết kiệm được (time saved) cả ngày lễ và chủ nhật
- Thưởng cho t/gian làm việc tiết kiệm được (Working time saved only)

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑨ Thưởng phạt xếp dỡ nhanh chậm

- Cách tính thưởng phạt:

- Tính bù trừ: thưởng - phạt
- Tính thưởng riêng phạt riêng, chủ hàng thiệt

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑩ TN và miễn trách của chủ tàu

- TN:
- cung cấp tàu đủ khả năng đi biển
- điều tàu đến cảng nhận hàng
- hướng dẫn ng thuê tàu thực hiện công việc xếp dỡ hàng hoá lên xuống tàu
- PH 1 bộ VĐ cho ng gửi hàng khi nhận hàng để chở

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑩ TN và miễn trách của chủ tàu

- TN:
- điều khiển tàu chạy trên biển với tốc độ hợp lý
- chăm sóc, bảo quản hàng hoá trong quá trình chuyên chở
- không được miễn trách đối với lỗi hàng vận

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

⑩ TN và miễn trách của chủ tàu

- Miễn trách

- do thiên tai tai nạn bất ngờ hoặc do TH BKK
- do chiến tranh đình công hoặc hành động của kẻ thù
- tổn thất thiệt hại do ẩn tì nội tì hay bản chất đặc biệt của hàng hoá

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

2. Phương thức thuê tàu chuyển

b. Phương thức thuê tàu chuyển

Nội dung của mẫu HĐ

11. Trọng tài

12. Luật xét xử: Luật hàng hải Anh và Mỹ

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

a. Khái niệm: phương thức cho thuê tàu mà chủ tàu cho ng thuê thuê toàn bộ chiếc tàu để chở hàng hoặc khai thác tàu lấy cước.

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

b. Đặc điểm

- là phương thức thuê TS
- trong t/gian thuê chủ tàu chỉ chuyển giao quyền sử dụng con tàu chứ không chuyển giao quyền SH con tàu.
- chủ tàu phải bàn giao quyền sử dụng con tàu cho ng thuê trong suốt t/gian thuê

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

c. Các hình thức thuê: luật Hàng hải 2005

- Thuê định hạn
- Thuê tàu trần

CHƯƠNG II. CHUYÊN CHỞ HÀNG HOÁ NGOẠI THƯƠNG BẰNG ĐƯỜNG BIỂN

III. Các phương thức thuê tàu

3. Phương thức thuê tàu định hạn

d. Mẫu HĐ

- Là HĐ thuê TS
- ĐK thời hạn hoàn trả tàu
- Đk phân chia CP trong t/gian thuê